

BẢN SAO

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ
MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - VIWASEEN**

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán*

VIWASEEN
CÔNG TY
ĐẦU TƯ
NƯỚC VÀ
MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM
CÔNG TY
ĐẦU TƯ
NƯỚC VÀ
MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 38
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam (Viwaseen) (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen) được thành lập theo Quyết định số 2188/QĐ-BXD ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng và Quyết định số 242/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2005 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Theo Quyết định số 151/QĐ-HĐTV ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị, Công ty mẹ - Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam. Theo quyết định số 920/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ Xây dựng là Chủ sở hữu vốn Nhà Nước tại Tổng Công ty.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Số 52 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Văn Phúc	Chủ tịch HĐTV	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2012)
Ông Nghiêm Văn Bang	Chủ tịch HĐTV	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2012)
Ông Lê Khả Mạnh	Ủy viên HĐTV	
Ông Thiệu Quang Quyến	Ủy viên HĐTV	
Ông Nguyễn Tất Thắng	Ủy viên HĐTV	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Khả Mạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vương Công Nu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Tú	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2012)
Ông Lê Minh Đức	Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2012)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Hồng	Kiểm soát viên
Ông Trần Văn Long	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Tổng Công ty.

S-C.T.
TY
ĐẦU TƯ VÀ
MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM
KIỂM TOÁN
M-TP

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY
ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ
MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
VIWASEEN
Lê Khả Mạnh



Số: 663/2013/BC.KTTC-AASC.KT1

BAU CAU KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam (Viwaseen)*

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam (Viwaseen)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam (Viwaseen) được lập ngày 05 tháng 04 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 6 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê chỉ phí sản xuất kinh doanh dở dang, tài sản cố định và các công trình xây dựng cơ bản dở dang vào ngày 31/12/2012. Với những tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này;
- Một số khoản công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2012 chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Tổng công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn;
- Tổng công ty đang theo dõi trên khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình đã ghi nhận hết doanh thu;

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam (Viwaseen) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

- Các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chỉ nhằm mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen) mà không bao gồm các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000 – Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành. Do đó, số liệu liên quan đến khoản mục Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi sau khi được kiểm tra, kiểm toán theo các quy định của Nhà nước về quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành;

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng Giám đốc



Cát Thị Hà

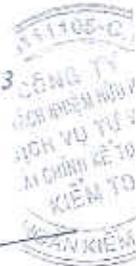
Chứng chỉ KTV số: 0725/KTV

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

Kiểm toán viên

Phạm Anh Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0777/KTV



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHỈ

Số chứng thực: 7658 Quyển số: SCT/BS

Ngày 19 tháng 09 năm 2013



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Châu Hà

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		600.817.022.578	549.704.007.021
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	18.359.486.659	13.660.222.071
111 1. Tiền		18.359.486.659	13.660.222.071
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		322.799.775.949	298.211.328.620
131 1. Phải thu khách hàng		187.077.136.425	196.923.880.576
132 2. Trả trước cho người bán		88.456.902.147	69.643.628.790
135 5. Các khoản phải thu khác	4	47.974.405.265	36.324.189.934
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	5	(708.667.888)	(4.680.370.680)
140 IV. Hàng tồn kho	6	220.501.625.220	202.195.463.135
141 1. Hàng tồn kho		220.501.625.220	202.195.463.135
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		39.156.134.750	35.636.993.195
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	10.318.181
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.876.614.820	4.401.341.120
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	1.135.720.440	1.137.474.265
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	8	28.143.799.490	30.087.859.629
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		573.223.546.053	528.880.662.295
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		106.100.681.319	106.100.681.319
218 4. Phải thu dài hạn khác	9	106.100.681.319	106.100.681.319
220 II. Tài sản cố định		183.875.472.685	142.119.641.192
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	99.620.025.688	71.174.529.821
222 - Nguyên giá		115.208.861.296	83.079.380.893
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(15.588.835.608)	(11.904.851.072)
227 3. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228 - Nguyên giá		66.500.000	66.500.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(66.500.000)	(66.500.000)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	84.255.446.997	70.945.111.371
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	282.100.198.779	279.210.198.779
251 1. Đầu tư vào công ty con		156.468.139.000	174.298.249.000
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		123.227.210.000	102.507.100.000
258 3. Đầu tư dài hạn khác		4.200.310.000	4.200.310.000
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(1.795.460.221)	(1.795.460.221)
260 V. Tài sản dài hạn khác		1.147.193.270	1.450.141.005
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.047.193.270	1.350.141.005
268 3. Tài sản dài hạn khác	15	100.000.000	100.000.000
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.174.040.568.631	1.078.584.669.316



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		658.074.262.199	563.994.867.837
310 I. Nợ ngắn hạn		530.235.328.290	432.272.803.802
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	16	243.570.278.751	215.169.484.927
312 2. Phải trả người bán		170.004.348.389	130.108.032.322
313 3. Người mua trả tiền trước		83.542.593.311	55.507.104.234
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	8.110.703.831	6.924.955.530
315 5. Phải trả người lao động		3.328.886.023	2.517.673.946
316 6. Chi phí phải trả	18	17.046.507.335	15.706.655.319
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	5.642.197.083	4.618.113.957
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		(1.010.186.433)	1.720.783.567
330 II. Nợ dài hạn		127.838.933.909	131.722.064.035
334 4. Vay và nợ dài hạn	20	116.428.575.000	122.473.575.000
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	1.066.670.853
338 8. Doanh thu chưa thực hiện	21	11.410.358.909	8.181.818.182
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		515.966.306.432	514.589.801.479
410 I. Vốn chủ sở hữu	22	515.966.306.432	514.589.801.479
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		513.150.470.754	513.150.470.754
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(895.901.345)
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		1.026.909.173	1.026.909.173
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		1.053.405.075	1.053.405.075
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		735.521.430	254.917.822
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.174.040.568.631	1.078.584.669.316

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
 CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		4.990,22	5.010,08
- EUR		867,04	5.552,16
- JPY		1.667,00	-

Người lập biểu

Hà Thị Minh

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Tú

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2013



Tổng Giám đốc

Lê Khả Mạnh



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	371.662.632.235	392.617.076.142
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		371.662.632.235	392.617.076.142
11	4. Giá vốn hàng bán	24	356.991.635.269	382.426.401.546
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.670.996.966	10.190.674.596
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	36.122.487.546	43.358.162.726
22	7. Chi phí tài chính	26	31.886.547.314	29.305.165.514
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		31.860.949.160	26.250.306.310
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	19.195.456.412	24.342.505.814
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(288.519.214)	(98.834.006)
31	11. Thu nhập khác	28	1.076.650.398	802.474.245
32	12. Chi phí khác	29	307.527.576	448.722.417
40	13. Lợi nhuận khác		769.122.822	353.751.828
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		480.603.608	254.917.822
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>480.603.608</u>	<u>254.917.822</u>

Người lập biểu

Hà Thị Minh

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Tú

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2013



Lê Khả Mạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

Theo phương pháp trực tiếp

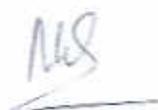
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		406.249.006.672	407.779.576.799
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(377.288.430.195)	(377.288.430.195)	(317.910.903.807)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(28.565.041.589)	(28.565.041.589)	(30.366.154.300)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(38.303.397.134)	(38.303.397.134)	(28.378.103.002)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	44.363.921.521	44.363.921.521	149.795.047.587
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(20.279.734.895)	(20.279.734.895)	(77.658.091.052)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(13.823.675.620)</i>	<i>103.261.372.225</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(22.568.417.956)	(22.568.417.956)	(24.592.041.192)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-	4.374.530
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2.890.000.000)	(2.890.000.000)	(40.655.200.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	20.876.161.040	20.876.161.040	42.687.962.063
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(4.582.256.916)</i>	<i>(22.554.904.599)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	345.748.543.937	345.748.543.937	339.420.768.747
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(322.643.001.774)	(322.643.001.774)	(433.205.127.715)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>23.105.542.163</i>	<i>(93.784.358.968)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>4.699.609.627</i>	<i>(13.077.891.342)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		13.660.222.071	27.329.053.331
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(345.039)	(590.939.918)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>18.359.486.659</u>	<u>13.660.222.071</u>

CÔNG
CHÍNH
CH VỤ
KIỂM
KIỂM

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Hà Thị Minh



Phạm Ngọc Tú

Tổng Giám đốc

 LÊ KHẢ MẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen) được thành lập theo Quyết định số 2188/QĐ-BXD ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng và Quyết định số 242/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2005 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Theo Quyết định số 151/QĐ-HĐTV ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị, Công ty mẹ - Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam. Theo quyết định số 920/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ Xây dựng là Chủ sở hữu vốn Nhà Nước tại Tổng Công ty.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Số 52 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 502.319.593.174 đồng.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn Phòng Trụ sở chính TCT Đầu tư Nước và môi trường Việt Nam	Số 52, Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng, cấp thoát nước...
Chi nhánh Tổng Công ty tại TP Hồ Chí Minh	Số 10, Phò Quang, P2, Q. Tân Bình, TP. HCM	Xây dựng, cấp thoát nước
Chi nhánh Tư vấn Xây dựng và Kỹ thuật môi trường	Số 56/58 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	Tư vấn xây dựng
Chi nhánh Xây dựng và Cơ điện công trình	Km 14+500 QL 1A, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	Xây dựng, cấp thoát nước
Chi nhánh Xây dựng số 1	Số 52, Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng, cấp thoát nước
Chi nhánh Xây dựng số 2	Số 56/58 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	Xây dựng, cấp thoát nước
Chi nhánh Tổng Công ty tại Đà Nẵng	B1-21, Lê Thanh Nghị, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Xây dựng, cấp thoát nước
Chi nhánh Kinh doanh Xuất nhập khẩu và Thương mại	Số 52 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Tổng Công ty tại Hải Phòng	KDC Vọng Hải, Phường Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng	Vận hành Nhà máy nước Đình Vũ

Thông tin về các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100105976 ngày 13 tháng 09 năm 2010 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý rác thải;

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng bao gồm: Xây dựng công trình đường bộ, xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất xây dựng công trình, khảo sát đánh giá trữ lượng nước ngầm, thiết kế hệ thống vùng khai thác nước ngầm; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị nhà máy nước và hệ thống thoát nước; thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật về các dự án phát triển nhà ở, đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và hạ tầng kỹ thuật;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật các dự án phát triển nhà ở, đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng và môi trường;
- Sản xuất vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng xây dựng: sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; đúc sắt thép; sản xuất ống, vòi nhựa, thiết bị lắp đặt bằng nhựa; sản xuất máy bơm nước;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật chuyên ngành cấp thoát nước, môi trường;
- Giáo dục nghề nghiệp về chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dạy nghề chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước và môi trường (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn về môi trường;
- Hoạt động thăm dò địa chất nguồn nước;
- Khoan khai thác nước ngầm;
- Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen) tự lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp với hoạt động kinh doanh của từng đơn vị.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và sổ dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chí phí mua, chí phí chế biến và các chí phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các khoản chí phí quản lý phát sinh tại các Chi nhánh đang được ghi nhận vào Chí phí sản xuất chung cho các công trình xây lắp mà không được ghi nhận vào Chí phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ; Chí phí sản xuất chung phân bổ cho các công trình xây dựng dựa theo doanh thu, chí phí cho từng đơn vị trực thuộc Tổng Công ty lựa chọn.

2012
CÔNG
TỔC
ĐẦU TƯ
NƯỚC VÀ
MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM
KIỂM
TOÁN

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp theo phương pháp bình quân gia quyền và phương pháp nhập trước xuất trước tùy thuộc vào từng loại hàng tồn kho tương ứng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 -50 năm
- Máy móc, thiết bị	07 -15 năm
- Phương tiện vận tải	07- 25 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 -08 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Phần mềm máy tính	03 -05 năm
- TSCĐ vô hình khác	20 năm

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế.

105-G
S. TY
QUẢN LÝ
T. T. V. T.
K. T. T.
T. T. T.
M. TP.



2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Dự phòng phải trả về Bảo hành công trình xây lắp tại Tổng Công ty chưa được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.



2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Từ năm 2012, Tổng Công ty thay đổi chính sách kế toán đối với các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thay thế cho Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân mua vào của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Việc xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được thay đổi so với năm 2011 như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư
Các khoản nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Đối với số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ năm 2011 trở về trước chưa phân bổ hết vào chi phí trong năm thì số dư còn lại được phân bổ tiếp vào chi phí tài chính của các năm tiếp theo, thời gian phân bổ theo số năm còn lại tương ứng nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đó.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ vào các năm sau để Tổng Công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Việc thay đổi chính sách kế toán này không áp dụng hồi tố cho Báo cáo tài chính năm 2011 trở về trước.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi Tổng Công ty có Nghiệm thu, Quyết toán A-B với Chủ đầu tư.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen) chưa ghi nhận các khoản chi phí phát sinh chung tại Công ty mẹ do đó các đơn vị này không xác định được kết quả kinh doanh để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp riêng tại từng đơn vị trực thuộc. Do đó Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định tập trung tại Công ty mẹ - Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen).

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	5.677.261.149	3.349.380.624
Tiền gửi ngân hàng	12.682.225.510	10.310.841.447
	18.359.486.659	13.660.222.071

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	22.365.455	4.115.455
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.616.936.982	8.034.178.692
Phải thu Công ty Viwaseen. 4 về tiền vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu tiền lãi cho vay	20.767.856.283	12.161.787.504
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	596.866.918	2.377.238.420
Phải thu Chi phí giải phóng mặt bằng dự án Trung Văn quận Thanh Xuân và huyện Từ Liêm	841.371.200	841.371.200
Thu vượt chi khoản công trình Quảng Ngãi và công trình Quy Nhơn (Chi nhánh Đà Nẵng)	2.784.248.555	2.066.732.505
Phải thu công nợ trước cổ phần hóa	1.144.068.499	1.471.208.172
Phải thu tiền giữ lại tại Liên danh HACC1-Viwaseen	236.821.809	-
Phải thu tiền ban quản lý dự án xây dựng hệ thống cấp nước tại Dung Quất	500.000.000	-
Phải thu tiền thuế TNCN	419.206.992	340.003.426
Phải thu tiền thuê đất	506.891.860	311.478.560
Phải thu giá trị vật tư vj thất thoát ở các công trình	726.088.596	-
Phải thu người lao động đã chuyển công tác	1.311.785.649	-
Phải thu khác	2.499.896.467	3.716.076.000
	47.974.405.265	36.324.189.934

5 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng	(708.667.888)	(4.680.370.680)
	(708.667.888)	(4.680.370.680)

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.900.527.594	15.808.622.815
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	207.177.203.483	185.962.946.177
Hàng hóa	328.757.807	328.757.807
Hàng gửi bán	95.136.336	95.136.336
	<u>220.501.625.220</u>	<u>202.195.463.135</u>

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.130.319.972	1.130.319.972
Thuế thu nhập cá nhân	5.400.468	7.154.293
	<u>1.135.720.440</u>	<u>1.137.474.265</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	298.560.794	738.340.477
Tem ứng	27.839.747.651	29.344.028.107
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.491.045	5.491.045
	<u>28.143.799.490</u>	<u>30.087.859.629</u>

9 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Số tiền góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư phân chia sản phẩm khu cao ốc văn phòng và căn hộ chung cư tại Số 10, Phố Quang	106.100.681.319	106.100.681.319
	<u>106.100.681.319</u>	<u>106.100.681.319</u>

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	mẫu vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	66.500.000	66.500.000
Số dư cuối kỳ	66.500.000	66.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	66.500.000	66.500.000
Số dư cuối kỳ	66.500.000	66.500.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	84.255.446.997	70.945.111.371
- Dự án tổ hợp chung cư Trung Văn - Từ Liêm	76.662.881.990	49.178.912.309
- Dự án tổ hợp chung cư Hạ Đình - Thanh Xuân	2.939.895.768	1.656.437.449
- Dự án Hệ thống cấp nước Khu vực Bắc Sông Hồng (Nhà máy nước Sông Đuống)	3.717.234.429	2.178.030.246
- Dự án Hệ thống Cấp nước Khu công nghiệp Đình Vũ - Hải Phòng	-	17.072.998.376
- Dự án Khu đô thị Hoài Đức Hà Tây	843.352.991	843.352.991
- Dự án Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Hải Phòng	92.081.819	15.380.000
	84.255.446.997	70.945.111.371

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư vào Công ty con	156.468.139.000	174.298.249.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước - WASECO	79.200.000.000	79.200.000.000
- Công ty CP Tư vấn cấp thoát nước và môi trường - WASE	4.080.000.000	4.080.000.000
- Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 1 - VIWASEEN.1	5.278.028.000	5.278.028.000
- Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 2-VIWASEEN.2	5.277.991.000	5.277.991.000
- Công ty CP Khoan và Xây dựng - VIWASEEN.3	10.900.000.000	10.900.000.000
- Công ty CP Điện nước Lắp máy và Xây dựng - VIWASEEN.4	7.763.120.000	7.763.120.000
- Công ty Cổ phần VIWASEEN.6	8.700.000.000	8.700.000.000
- Công ty CP Khoan và Xây lắp cấp thoát nước - VIWASEEN.11	4.743.000.000	4.743.000.000
- Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 12-VIWASEEN.12	5.031.000.000	5.031.000.000
- Công ty CP Xây lắp và SX thiết bị ngành nước - VIWASEEN.14	6.276.000.000	6.276.000.000
- Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 15 - VIWASEEN.15	5.810.000.000	5.810.000.000
- Công ty CP Phát triển nhân lực, thương mại & du lịch - Viwamex	5.100.000.000	5.100.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VIWASEEN Huế	-	20.720.110.000
- Công ty CP ĐTPT Môi trường VIWASEEN Phương Hướng	5.100.000.000	2.210.000.000

- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường An - Viwaseen	3.209.000.000	3.209.000.000
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	123.227.210.000	102.507.100.000
- Công ty Liên doanh Ống gang cầu Đài Việt - WAHSIN	9.556.900.000	9.556.900.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VIWASEEN Huế (i)	20.720.110.000	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Viwaseen 7	1.300.000.000	1.300.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Viwaseen Tây Bắc	36.000.000.000	36.000.000.000
- Công ty CP Bình Hiệp	4.150.000.000	4.150.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật TSC	1.300.000.000	1.300.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển DV Dầu khí-PISD	7.500.000.000	7.500.000.000
- Công ty CP Bất động sản Dầu khí-PETROWACO	42.700.200.000	42.700.200.000
Đầu tư dài hạn khác	4.200.310.000	4.200.310.000
- Công ty CP Siêu thị VINACONEX	200.000.000	200.000.000
- Công ty CP VINACONEX 6	310.000	310.000
- Công ty Cổ phần BOT Đồng Nai	4.000.000.000	4.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.795.460.221)	(1.795.460.221)
- Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 15 - VIWASEEN.15	(88.606.940)	(88.606.940)
- Công ty CP Phát triển nhân lực, thương mại & du lịch - Viwamex	(1.341.458.103)	(1.341.458.103)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển DV Dầu khí-PISD	(256.742.059)	(256.742.059)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Viwaseen 7	(108.653.119)	(108.653.119)
	282.100.198.779	279.210.198.779

(i) Trong năm Tổng công ty đã chuyển theo dõi khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Viwaseen Huế từ khoản mục đầu tư vào công ty con sang khoản mục đầu tư vào công ty liên kết.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên Tổng Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước - WASECO	Việt Nam	60,00%	60,00%	Đầu tư, xây dựng, cho thuê Văn phòng.
Công ty CP Tư vấn cấp thoát nước và môi trường - WASE	Việt Nam	51,00%	51,00%	Tư vấn cấp thoát nước và môi trường.
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 1 - VIWASEEN.1	Việt Nam	52,00%	52,00%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 2 - VIWASEEN.2	Việt Nam	52,00%	52,00%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty CP Khoan và Xây dựng - VIWASEEN.3	Việt Nam	54,50%	54,50%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty CP Điện nước Lắp máy và Xây dựng - VIWASEEN.4	Việt Nam	51,00%	51,00%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần VIWASEEN.6	Việt Nam	58,00%	58,00%	Đầu tư, kinh doanh
Công ty CP Khoan và Xây lắp cấp thoát nước - VIWASEEN.11	Việt Nam	51,00%	51,00%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 12 - VIWASEEN.12	Việt Nam	50,31%	50,31%	Xây dựng, cấp thoát nước.

Công ty CP Xây lắp và SX thiết bị ngành nước - VIWASEEN.14	Việt Nam	62,76%	62,76%	Sản xuất thiết bị ngành nước, xây dựng cấp thoát nước.
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 15 - VIWASEEN.15	Việt Nam	58,10%	58,10%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty CP Phát triển nhân lực, thương mại & du lịch - VIWAMEX	Việt Nam	51,00%	51,00%	Du lịch, kinh doanh thương mại.
Công ty CP đầu tư phát triển môi trường Viwaseen Phương Hương	Việt Nam	67,86%	51,00%	Đầu tư phát triển môi trường.
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường An - Viwaseen	Việt Nam	48,60%	>50%	Xây dựng, cấp thoát nước.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các Tổng Công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VIWASEEN Huế	Việt Nam	34,50%	34,50%	Sản xuất KD ống gang cầu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Viwaseen 7	Việt Nam	26,00%	26,00%	Xây dựng, cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần Thủy điện Viwaseen Tây Bắc	Việt Nam	28,00%	28,00%	Đầu tư xây dựng thủy điện
Công ty CP Bình Hiệp	Việt Nam	27,70%	27,70%	Kinh doanh nước sạch.
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật TSC	Việt Nam	20,00%	20,00%	Kinh doanh thương mại
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Dầu khí - PISD	Việt Nam	15,00%	từ 20% đến 50%	Đầu tư, kinh doanh, thương mại
Công ty CP Bất động sản Dầu khí - PETROWACO	Việt Nam	24,90%	24,90%	Đầu tư, KD bất động sản

Đầu tư vào Công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên Tổng Công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Ống gang cầu Đài Việt	Hà Nội	33,33%	33,33%	Sản xuất KD ống gang cầu

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Công ty CP Siêu thị VINACONEX	200.000.000	200.000.000
- Công ty CP VINACONEX 6	310.000	310.000
- Công ty Cổ phần BOT Đồng Nai	4.000.000.000	4.000.000.000
	4.200.310.000	4.200.310.000

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu kỳ	1.350.141.005	2.853.950.789
Số tăng trong kỳ	280.266.177	93.664.091
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(583.213.912)	(1.597.473.875)
Số dư cuối kỳ	1.047.193.270	1.350.141.005
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.047.193.270	1.320.141.005
Chi phí thuê nhà	-	30.000.000
	1.047.193.270	1.350.141.005

15 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	100.000.000
	100.000.000	100.000.000

16 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	238.270.278.751	208.509.484.927
Vay ngân hàng	236.822.418.751	206.259.484.927
Vay đối tượng khác	1.447.860.000	2.250.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết xem Thuyết minh số 20)	5.300.000.000	6.660.000.000
	243.570.278.751	215.169.484.927

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam-Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 72/HĐTD-2012 ngày 10/07/2012. Hạn mức tín dụng của Hợp đồng là 700.000.000.000 VND bao gồm giới hạn cho vay là 250 tỷ VND, và giới hạn bảo lãnh là 450 tỷ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 13%/năm đối với VND và 5,8%/năm đối với USD. Thời hạn vay tối đa 6 tháng theo từng lần nhận nợ. Dư nợ vay tại 31/12/2012 là 223.260.634.882 VND và 651.538,98 USD (tương đương 13.561.783.869 VND). Khoản vay được bảo đảm bằng nhà xưởng, nhà kho trên diện tích 12.555,7m² đất tại 56-58 Hạ Đình, Thanh Xuân Hà Nội, trụ sở Văn phòng Quốc Tử Giám - Đống Đa - Hà Nội có tổng giá trị 20 tỷ đồng và quyền lợi phát sinh từ hợp đồng xây lắp của Tổng Công ty;

- Khoản vay các đối tượng khác là các khoản vay cá nhân CBCNV trong Tổng Công ty theo Nghị Quyết số 109/NQ-HĐTV ngày 09/08/2011 của Hội đồng Thành viên Công ty và Thông báo số 757/CTN-TCKH ngày 10/09/2011 của Phòng Kế hoạch về việc huy động vốn vay của các CBCNV, tổ chức, cá nhân trong nước, nhận ủy thác vốn của các Công ty thành viên để phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Tổng Công ty. Theo đó, các khoản vay được huy động theo hình thức "rút gốc linh hoạt", thời hạn huy động từ 1 tháng trở lên, lãi suất huy động theo lãi suất bậc thang và tính trên năm, bằng lãi suất huy động vốn tối đa do Ngân hàng Nhà nước quy định cho các tổ chức tín dụng cộng thêm 1%, 2%, 3%, 4%, 4,5%/năm (tối đa nhỏ hơn lãi vay vốn cùng thời hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Ba Đình) tương ứng với thời gian cho vay lần lượt là 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và từ 9 tháng trở lên. Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2012 là 1.447.000.000 VND.

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.150.683.703	4.185.402.815
Thuế thu nhập cá nhân	321.344.240	421.128.206
Thuế tài nguyên	370.722.322	370.722.322
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	5.261.803.779	1.941.552.400
Các loại thuế khác	6.149.787	6.149.787
	8.110.703.831	6.924.955.530

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí xây dựng Công trình Đình Vũ	453.794.241	-
Trích trước giá vốn của các công trình đã ghi nhận doanh thu	16.592.713.094	15.706.655.319
	17.046.507.335	15.706.655.319

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	147.253.892	110.427.560
Bảo hiểm xã hội	639.700.023	252.462.043
Bảo hiểm y tế	57.674.631	3.430.291
Bảo hiểm thất nghiệp	435.158.423	264.770.191
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.362.410.114	3.987.023.872
- Tiền ứng hộ thiên tai	117.192.562	117.192.562
- Lãi vay phải trả Viwaseen Huế	-	323.238.889
- Phải trả công ty cổ phần đầu tư địa ốc Đông Dương về đầu tư góp vốn dự án An Thịnh	533.176.000	533.176.000

- Phải trả Xi nghiệp Cấp thoát Nước 104	2.311.727.970	2.311.727.970
- Phải trả cổ tức thu hộ cho CBCNV	147.000.000	-
<i>Tiền thuê nhà làm việc công trình Bắc Ninh</i>	<i>344.000.000</i>	<i>-</i>
- Tiền vay cá nhân để thực hiện dự án tại CN Tư vấn	<i>1.33.000.000</i>	<i>-</i>
- Phải trả khác	754.313.582	701.688.451
	5.642.197.083	4.618.113.957

20 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	116.428.575.000	122.473.575.000
Vay ngân hàng	19.000.000.000	24.345.000.000
Vay đối tượng khác	97.428.575.000	98.128.575.000
	116.428.575.000	122.473.575.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn ngân hàng

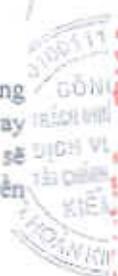
- Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây theo hợp đồng tín dụng số 02/2009/HĐTD ngày 27/07/2009 với tổng số tiền cho vay là 6.800.000.000 VND. Số dư nợ gốc tại 31/12/2012 là 500.000.000 VND và phải trả toàn bộ trong năm 2013. Lãi suất cho vay kể từ ngày nhận món vay đầu tiên đến 30/09/2009 là 10,5%/năm, lãi suất các năm sau bằng lãi suất huy động VND loại 12 tháng trả sau tại Ngân hàng cộng (+) với phí dịch vụ Ngân hàng tối thiểu 3,5%/năm. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là 25/09/2009 và ngày trả nợ gốc cuối cùng là 25/03/2013. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;
- Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây theo hợp đồng tín dụng số 03/2008/HĐTD ngày 21/8/2008 với tổng số tiền cho vay là 65.000.000.000 VND. Số dư nợ gốc tại 31/12/2012 là 23.800.000.000 VND, trong đó dư nợ đến hạn trả trong năm 2013 là 4.800.000.000 VND. Lãi suất vay được thả nổi bằng lãi suất huy động VND 12 tháng trả sau tại ngân hàng cộng (+) phí dịch vụ ngân hàng tối thiểu 3%/năm. Thời hạn của khoản vay là 108 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống cấp nước Đình Vũ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn cá nhân

- Các khoản vay dài hạn cá nhân để thực hiện dự án tổ hợp nhà ở để bán kết hợp văn phòng và dịch vụ thương mại tại xã Trung Văn, Từ Liêm và phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội, thời hạn của các khoản vay là 24 tháng kể từ ngày hợp đồng vay vốn được ký kết, với lãi suất thỏa thuận là 2,5%/năm; và bên cho vay sẽ được khuyến khích và hỗ trợ mua căn hộ thuộc các dự án trên, trong trường hợp các cá nhân thực hiện quyền mua căn hộ tại các dự án trên thì lãi suất cho vay sẽ là 0%/năm

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện tại thời điểm 31/12/2012 là phần giá trị đã xuất hóa đơn cho số tiền Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Hải Phòng tạm ứng theo hợp đồng: thi công công trình cấp nước tại Vật Cách - Hải Phòng. Tổng giá trị hóa đơn đã xuất cho số tiền tạm ứng là 15.634.426.182 VND (chưa bao gồm 10% VAT), và phần giá trị công trình đã có nghiệm thu A-B đợt 1, đợt 2 tương ứng của phần tạm ứng trên là 4.224.067.273 VND (chưa bao gồm 10% VAT).



22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 2.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	Tỷ lệ %	01/01/2012 VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	513.150.470.754	100%	513.150.470.754	100%
	<u>513.150.470.754</u>	<u>100%</u>	<u>513.150.470.754</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	513.150.470.754	513.150.470.754
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	513.150.470.754	513.150.470.754

e) Các quỹ của Tổng Công ty

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.026.909.173	1.026.909.173
Quỹ dự phòng tài chính	1.053.405.075	1.053.405.075

23 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	18.201.900.078	31.679.179.429
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.215.414.460	19.507.737.122
Doanh thu hợp đồng xây dựng	333.245.317.697	341.430.159.591
	<u>371.662.632.235</u>	<u>392.617.076.142</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng bán	18.248.010.165	31.641.460.316
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.493.938.070	10.413.755.234
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	327.249.687.034	340.371.185.996
	<u>356.991.635.269</u>	<u>382.426.401.546</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.117.805.238	13.270.197.755
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.947.521.905	25.847.921.392
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	4.240.043.579
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	38.747.300	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18.413.103	-
	<u>36.122.487.546</u>	<u>43.358.162.726</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	31.860.949.160	26.250.306.310
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(42.535.817)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	25.598.154	3.097.395.021
	<u>31.886.547.314</u>	<u>29.305.165.514</u>

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	903.405.319	1.140.120.165
Chi phí nhân công	13.114.041.868	18.424.231.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	952.999.873	927.993.840
Thuế phí và lệ phí	2.712.000.795	1.832.032.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.794.653.652	1.878.446.483
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(3.971.702.792)	(1.803.510.767)
Chi phí khác bằng tiền	3.690.057.697	1.943.192.411
	<u>19.195.456.412</u>	<u>24.342.505.814</u>

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tiền bán hồ sơ thầu	6.000.000	23.000.000
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.066.670.853	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	138.616.364
Thu nhập từ phải trả không xác định được đối tượng	-	269.089.139
Thu nhập khác	3.979.545	371.768.742
	<u>1.076.650.398</u>	<u>802.474.245</u>

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	219.003.000	329.701.541
Tiền phạt chậm nộp thuế GTGT	39.395.537	90.426.733
Lãi chậm nộp BHXH	49.129.039	-
Chi phí thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	23.732.289
Chi phí khác	-	4.861.854
	<u>307.527.576</u>	<u>448.722.417</u>

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

30.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	480.603.608	254.917.822
Các khoản điều chỉnh tăng	329.001.921	353.520.397
- Chi phí không hợp lệ	307.527.576	329.701.541
- Chi phí khấu hao xe oto có nguyên giá lớn hơn 1,6 tỷ đồng	21.474.345	23.818.856
Các khoản điều chỉnh giảm	(25.947.521.905)	(25.847.921.392)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(25.947.521.905)	(25.847.921.392)
Thu nhập tính thuế TNDN	(25.137.916.376)	(25.239.483.173)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)	<u>-</u>	<u>-</u>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(1.130.319.972)	(1.130.319.972)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>(1.130.319.972)</u>	<u>(1.130.319.972)</u>

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.359.486.659		13.660.222.071	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	341.152.223.009	(708.667.888)	339.348.751.829	(4.680.370.680)
Các khoản cho vay	-		-	
Đầu tư ngắn hạn	-		-	
Đầu tư dài hạn	283.895.659.000	(1.795.460.221)	281.005.659.000	(1.795.460.221)
	<u>643.407.368.668</u>	<u>(2.504.128.109)</u>	<u>634.014.632.900</u>	<u>(6.475.830.901)</u>

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	359.998.853.751	337.643.059.927
Phải trả người bán, phải trả khác	175.646.545.472	134.726.146.279
Chi phí phải trả	17.046.507.335	15.706.655.319
	552.691.906.558	488.075.861.525

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Tiền và tương đương tiền	18.359.486.659			18.359.486.659
Phải thu k.hàng, phải thu khác	234.342.873.802		106.100.681.319	340.443.555.121
Các khoản cho vay				-
Đầu tư ngắn hạn				-
Đầu tư dài hạn			282.100.198.779	282.100.198.779
	252.702.360.461	-	388.200.880.098	640.903.240.559
Tại ngày 01/01/2012				
Tiền và tương đương tiền	13.660.222.071			13.660.222.071
Phải thu k.hàng, phải thu khác	228.567.699.830		106.100.681.319	334.668.381.149
Các khoản cho vay				-
Đầu tư ngắn hạn				-
Đầu tư dài hạn			279.210.198.779	279.210.198.779
	242.227.921.901	-	385.310.880.098	627.538.801.999

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Phải trả người bán, phải trả khách	243.570.278.751	116.428.575.000		359.998.853.751
Chi phí phải trả	175.646.545.472			175.646.545.472
	17.046.507.335			17.046.507.335
	436.263.331.558	116.428.575.000	-	552.691.906.558
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	215.169.484.927	122.473.575.000		337.643.059.927
Phải trả người bán, phải trả khách	134.726.146.279			134.726.146.279
Chi phí phải trả	15.706.655.319			15.706.655.319
	365.602.286.525	122.473.575.000	-	488.075.861.525

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN KHÁC

Trong năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 1428/QĐ-TTg ngày 02/10/2012 về việc "Kết thúc thí điểm hình thành Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam và Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam". Theo quyết định trên Tổng công ty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam (Viwaseen) về trực thuộc Bộ Xây Dựng.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Tổng Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Góp vốn vào Công ty			
Công ty CP ĐĐTPT Môi trường VIWASEEN Phương Hướng	Công ty con	2.890.000.000	2.210.000.000
Công ty CP Khoan và Xây dựng VIWASEEN 3	Công ty con	-	5.300.000.000
Công ty CP Bất động sản Dầu khí - Petrowaco	Công ty liên kết	-	33.145.200.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước-WASECO	Công ty con	-	639.447.946
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 1 - VIWASEEN.1	Công ty con	643.660.473	592.110.095
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 2-VIWASEEN2	Công ty con	1.459.056.684	1.004.630.264
Công ty CP Khoan và Xây dựng - VIWASEEN.3	Công ty con	-	188.727.272
Công ty CP Điện nước Lắp máy và Xây dựng - VIWASEEN.4	Công ty con	-	9.895.648.077
Công ty Cổ phần VIWASEEN.6	Công ty con	165.841.046	-
Công ty CP Khoan và Xây lắp cấp thoát nước -VIWASEEN11	Công ty con	-	-
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 12 - VIWASEEN.12	Công ty con	510.198.726	552.578.076
Công ty CP Xây lắp và SX thiết bị ngành nước-VIWASEEN.14	Công ty con	-	13.495.507
Công ty Cổ phần Xây dựng cấp thoát nước số 15 - VIWASEEN.15	Công ty con	857.619.876	-
Công ty Phát triển Nhà Địa Lợi	Công ty con	4.649.293	-

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường An - Viwaseen	Công ty con	1.586.171.604	350.455.837
Công ty CP Phát triển nhân lực, Thương mại và Du lịch VIWAMEX	Công ty con	163.437.000	163.438.000
Công ty Đầu tư Xây dựng Hạ tầng VIWASEEN.7	Công ty liên kết	122.258.182	-
Khối lượng xây lắp hoàn thành			
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 1 - VIWASEEN.1	Công ty con	11.602.063.014	15.453.720.098
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 2-VIWASEEN2	Công ty con	66.329.287.488	18.498.526.546
Công ty CP Khoan và Xây dựng - VIWASEEN.3	Công ty con	13.233.612.727	35.404.763.636
Công ty CP Điện nước Lắp máy và Xây dựng - VIWASEEN.4	Công ty con	9.869.119.372	5.051.394.214
Công ty Cổ phần VIWASEEN.6	Công ty con	79.643.592.074	26.548.229.965
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 12 - VIWASEEN.12	Công ty con	25.253.015.877	4.576.485.546
Công ty CP Xây lắp và SX thiết bị ngành nước-VIWASEEN.14	Công ty con	430.700.000	2.052.863.839
Công ty Phát triển Nhà Địa Lợi	Công ty con	2.481.790.000	6.986.014.559
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường An - Viwaseen	Công ty con	61.511.377.693	46.393.747.977
Công ty Cổ phần Phát triển nhân lực, thương mại và du lịch VIWASEEN-VIWAMEX	Công ty con	1.933.149.673	-
Vay vốn			
Công ty CP Bất động sản Dầu khí - PETROWACO	Công ty liên kết	-	16.500.000.000
Công ty CP Tư vấn cấp thoát nước và môi trường - WASE	Công ty con	-	3.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận được chia			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước - WASECO	Công ty con	11.880.000.000	10.800.000.000
Công ty CP Tư vấn cấp thoát nước và môi trường - WASE	Công ty con	816.000.000	725.016.000
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 1 - VIWASEEN.1	Công ty con	-	520.000.000
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 2 - VIWASEEN.2	Công ty con	676.000.000	676.000.000
Công ty CP Khoan và Xây dựng - VIWASEEN.3	Công ty con	1.425.710.000	896.000.000
Công ty Cổ phần VIWASEEN.6	Công ty con	1.044.000.000	1.044.000.000
Công ty CP Khoan và Xây lắp cấp thoát nước - VIWASEEN.11	Công ty con	379.440.000	284.580.000
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 12 - VIWASEEN.12	Công ty con	503.100.000	433.910.000
Công ty CP Xây lắp và SX thiết bị ngành nước-VIWASEEN.14	Công ty con	753.120.000	753.120.000

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VIWASEEN Huế	Công ty liên kết	-	2.486.413.200
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trường An - VIWASEEN	Công ty con	513.440.000	481.350.000
Công ty Liên doanh Ống gang cầu Đái Việt	Công ty liên doanh	4.981.161.905	5.491.547.192
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật TSC	Công ty liên kết	-	168.000.000
Công ty CP Bất động sản Dầu khí - PETROWACO	Công ty liên kết	2.041.800.000	257.985.000
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	Công ty liên kết	933.750.000	830.000.000
Lãi vay phải thu			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước - WASECO	Công ty con	149.337.500	
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 1 - VIWASEEN.1	Công ty con	1.418.729.998	2.314.521.739
Công ty CP Khoan và Xây dựng - VIWASEEN.3	Công ty con	268.825.957	83.897.357
Công ty CP Điện nước Lắp máy và Xây dựng - VIWASEEN.4	Công ty con	6.735.594.210	7.581.735.330
Công ty Cổ phần VIWASEEN.6	Công ty con	210.889.063	266.027.156
Công ty CP Xây lắp và SX thiết bị ngành nước-VIWASEEN.14	Công ty con	-	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước - WASECO	Công ty con	-	1.948.302.526
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường An - Viwaseen	Công ty con	4.908.854	-
Công ty Phát triển Nhà Địa Lợi	Công ty con	21.272.407	-
Lãi vay phải trả		-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VIWASEEN Huế	Công ty liên kết	-	259.350.000
Công ty CP Bất động sản Dầu khí - Petrowaco	Công ty liên kết	-	413.555.556
Công ty CP Tư vấn Cấp thoát nước - WASE	Công ty con	-	44.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước - WASECO	Công ty con	106.726.028.928	106.562.094.060
Công ty CP Tư vấn cấp thoát nước và môi trường - WASE	Công ty con	257.293.000	257.293.000
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 1 - VIWASEEN.1	Công ty con	20.342.994.169	22.925.209.615
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 2 - VIWASEEN.2	Công ty con	1.701.729.844	913.694.789
Công ty CP Khoan và Xây dựng - VIWASEEN.3	Công ty con	572.344.479	13.306.125.314

Công ty CP Điện nước Lắp máy và Xây dựng - VIWASEEN.4	Công ty con	42.447.565.506	42.468.511.326
Công ty Cổ phần VIWASEEN.6	Công ty con	17.094.356.163	2.749.500.528
Công ty CP Khoan và Xây lắp cấp thoát nước - VIWASEEN.11	Công ty con	1.001.065.515	569.160.000
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 12-VIWASEEN12	Công ty con	3.085.279.532	-
Công ty CP Xây lắp và SX thiết bị ngành nước - VIWASEEN.14	Công ty con	1.506.240.000	753.120.000
Công ty CP Phát triển nhân lực, thương mại & du lịch - VIWAMEX	Công ty con	2.111.702.119	945.402.059
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VIWASEEN Huế	Công ty liên kết	14.510.988	26.231.353
Công ty CP Bất động sản Dầu khí - PETROWACO	Công ty liên kết	2.576.014.144	203.841.244
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường An - Viwaseen	Công ty con	14.239.396.405	10.345.005.489
Công ty liên doanh Ống gang cầu Đài Việt-WAHSIN	Công ty liên doanh	4.980.063.596	5.542.548.692
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật TSC	Công ty liên kết	-	168.000.000
Công ty Đầu tư Xây dựng Hạ tầng VIWASEEN.7	Công ty liên kết	112.884.000	-
Phải trả			
Công ty CP Tư vấn cấp thoát nước và môi trường - WASE	Công ty con	461.747.323	584.820.423
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 1 - VIWASEEN.1	Công ty con	4.818.901.926	5.157.624.193
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 2 - VIWASEEN.2	Công ty con	34.165.215.705	19.856.959.791
Công ty CP Khoan và Xây dựng - VIWASEEN.3	Công ty con	3.928.226.356	316.365.448
Công ty CP Điện nước Lắp máy và Xây dựng - VIWASEEN.4	Công ty con	21.020.710.372	17.200.192.693
Công ty Cổ phần VIWASEEN.6	Công ty con	30.041.559.269	9.061.500.246
Công ty CP Khoan và Xây lắp cấp thoát nước - VIWASEEN.11	Công ty con	-	1.793.134.485
Công ty CP Xây dựng cấp thoát nước số 12 - VIWASEEN.12	Công ty con	1.276.902.014	2.928.928.037
Công ty CP Xây lắp và SX thiết bị ngành nước - VIWASEEN.14	Công ty con	783.392.329	309.622.329
Công ty CP Phát triển nhân lực, thương mại & du lịch - VIWAMEX	Công ty con	859.535.808	859.535.808

Công ty Phát triển Nhà Địa Lợi	Công ty con	4.354.273.458	2.184.022.865
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VIWASEEN Huế	Công ty liên kết	-	323.238.889
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường An - Viwaseen	Công ty con	10.028.421.293	11.867.575.399
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
			Năm 2012
			VND
- Thu nhập của HDTV và Ban Tổng Giám đốc			4.465.762.219

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán, được phân loại lại, được điều chỉnh theo Báo cáo Thẩm định của Kiểm toán Nhà Nước ngày 06/08/2012 và Biên bản Kiểm tra của Tổng cục Thuế ngày 13/08/2012.

Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được phân loại lại, điều chỉnh theo Báo cáo Thẩm định của Kiểm toán Nhà Nước ngày 06/08/2012 và Biên bản Kiểm tra của Tổng cục Thuế ngày 13/08/2012.

	Mã số	Điều chỉnh lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
a) Bảng Cân đối kế toán			
- Phải thu khách hàng	131	196.923.880.576	192.265.230.966
- Trả trước cho người bán	132	69.643.628.790	81.060.774.413
- Phải thu khác	135	36.324.189.934	36.023.795.983
- Hàng tồn kho	141	202.195.463.135	213.142.241.271
- Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.401.341.120	4.701.735.071
- Tài sản cố định hữu hình	221	71.174.529.821	6.983.554.785
- Nguyên giá	222	83.079.380.893	17.283.698.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(11.904.851.072)	(10.300.143.704)
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	70.945.111.371	140.906.232.666
- Phải trả người bán	312	130.108.032.322	141.525.177.945
- Người mua trả tiền trước	313	55.507.104.234	69.840.682.201
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	6.924.955.530	4.708.273.125
- Chi phí phải trả	316	15.706.655.319	13.943.267.826
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.618.113.957	102.757.521.702
- Vay và nợ dài hạn	334	122.473.575.000	24.345.000.000
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	1.720.783.567	1.975.556.293
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	254.917.822	1.014.629.734
- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	679.449.333
b) Báo cáo Kết quả kinh doanh			
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	392.617.076.142	372.690.808.648
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	392.617.076.142	372.690.808.648

- Giá vốn hàng bán	11	382.426.401.546	365.354.642.618
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	10.190.674.596	7.336.166.030
- Chi phí tài chính	22	29.305.165.514	25.139.726.623
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24.342.505.814	24.592.878.540
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(98.834.006)	961.723.593
- Thu nhập khác	31	802.474.245	501.628.558
- Lợi nhuận khác	40	353.751.828	52.906.141
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	254.917.822	1.014.629.734
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	60	254.917.822	1.014.629.734

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu

Hà Thị Minh

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Tú



Phụ lục 1 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCD hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	12.518.724.763	4.061.011.812	65.332.906.963	1.021.646.446	145.090.909	83.079.380.893
Số tăng trong kỳ	15.973.803.248	(90.009.473)	16.078.690.200	166.996.428	-	32.129.480.403
- Mua trong kỳ	-	-	-	76.986.955	-	76.986.955
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	15.973.803.248	-	16.078.690.200	-	-	32.052.493.448
- Phân loại lại tài sản	-	(90.009.473)	-	90.009.473	-	-
Số dư cuối kỳ	28.492.528.011	3.971.002.339	81.411.597.163	1.188.642.874	145.090.909	115.208.861.296
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.654.946.078	3.026.489.762	6.347.754.685	863.429.918	12.230.629	11.904.851.072
Số tăng trong kỳ	518.748.315	240.232.417	2.734.980.283	161.005.337	29.018.184	3.683.984.536
- Khấu hao trong kỳ	518.748.315	300.037.640	2.734.980.283	101.200.114	29.018.184	3.683.984.536
- Phân loại lại tài sản	-	(59.805.223)	-	59.805.223	-	-
Số cuối kỳ	2.173.694.393	3.266.722.179	9.082.734.968	1.024.435.255	41.248.813	15.588.835.608
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	10.863.778.685	1.034.522.050	58.985.152.278	158.216.528	132.860.280	71.174.529.821
Tại ngày cuối kỳ	26.318.833.618	704.280.160	72.328.862.195	164.207.619	103.842.096	99.620.025.688

-- Giá trị còn lại cuối năm của TSCD hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:

94.179.296.257
4.862.979.938

Phụ lục 2 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của	Chênh lệch tỷ giá	Quý đầu tư	Quý dự phòng	Lợi nhuận	Cộng
	CSH	hối đoái	phát triển	tài chính	sau thuế	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	513.150.470.754	1.026.528.834	1.026.909.173	1.053.405.075	-	516.257.313.836
Lãi/(lỗ) trong kỳ trước	-	-	-	-	1.014.629.734	1.014.629.734
Giảm khác	-	(1.922.430.179)	-	-	-	(1.922.430.179)
Số dư cuối kỳ trước	513.150.470.754	(895.901.345)	1.026.909.173	1.053.405.075	1.014.629.734	515.349.513.391
Điều chỉnh hồi tố theo Kiểm toán Nhà Nước và Tổng Cục thuế	-	-	-	-	(759.711.912)	(759.711.912)
Số dư cuối kỳ trước sau điều chỉnh	513.150.470.754	(895.901.345)	1.026.909.173	1.053.405.075	254.917.822	514.589.801.479
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-	480.603.608	480.603.608
Tăng khác	-	895.901.345	-	-	-	895.901.345
Số dư cuối kỳ này	513.150.470.754	-	1.026.909.173	1.053.405.075	735.521.430	515.966.306.432